



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Đầu tư số**

56221000014

ngày 18 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2013748074 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Kiên Giang cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

1701947619  
1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014  
ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hồng Xanh  
Ông Phan Đăng Tuất  
Ông Nguyễn Trí Dũng  
Ông Koo Liang Kwee

Ông Teo Hong Keng

Ông Lê Văn Thập

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)  
Thành viên  
(đến ngày 2 tháng 6 năm 2022)  
Thành viên  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Ông Nguyễn Văn Minh  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều  
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Trưởng ban  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Xuân Tùng

Quyền Giám đốc  
(từ ngày 6 tháng 4 năm 2022)  
Phó Giám đốc  
(đến ngày 5 tháng 4 năm 2022)  
Giám đốc  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)  
Phó Giám đốc

Ông Lê Văn Thập

Ông Trần Tuấn Anh

**Trụ sở đăng ký**

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc  
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành  
Tỉnh Kiên Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 12 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00430-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>339.635.858.219</b>	<b>333.767.212.792</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>19.682.541.321</b>	<b>14.547.453.089</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>239.604.341.010</b>	<b>167.246.835.974</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	222.684.190.612	148.693.322.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.578.126.042	14.663.475.238
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.342.024.356	3.890.038.083
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>77.928.343.069</b>	<b>149.001.657.590</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.420.632.819</b>	<b>2.971.266.139</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		993.230.283	2.247.272.059
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	1.427.402.536	723.994.080



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>787.148.479.296</b>	<b>857.145.402.373</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>663.572.919.649</b>	<b>723.965.814.604</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	662.152.528.041	722.478.528.456
Nguyên giá	222		1.019.540.557.151	1.015.475.680.757
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.388.029.110)	(292.997.152.301)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.420.391.608	1.487.286.148
Nguyên giá	228		1.696.095.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.703.887)	(208.809.347)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>75.610.045.221</b>	<b>75.962.700.009</b>
Nguyên giá	231		77.963.751.851	77.963.751.851
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.353.706.630)	(2.001.051.842)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.175.948.794</b>	<b>7.704.057.006</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.175.948.794	7.704.057.006
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.277.183.000</b>	<b>13.277.183.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	14	13.277.183.000	13.277.183.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.712.382.632</b>	<b>34.435.647.754</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	26.260.168.185	33.549.247.947
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	886.399.807
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		565.814.640	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.126.784.337.515</b>	<b>1.190.912.615.165</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



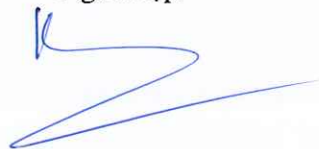
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.081.808.548.601</b>	<b>1.077.908.505.596</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>714.882.497.701</b>	<b>639.127.034.696</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.349.097.063	50.370.423.233
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.009.426.337	6.804.503.743
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	261.141.635.571	260.047.053.255
Phải trả người lao động	314		6.029.659.722	4.623.476.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.841.914.976	7.317.389.917
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		750.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	12.335.211.704	23.671.609.914
Vay ngắn hạn	320	20(a)	391.361.038.207	286.228.063.517
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.514.121	64.514.121
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>366.926.050.900</b>	<b>438.781.470.900</b>
Phải trả dài hạn khác	337		941.780.000	-
Vay dài hạn	338	20(b)	365.984.270.900	438.781.470.900
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>44.975.788.914</b>	<b>113.004.109.569</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>44.975.788.914</b>	<b>113.004.109.569</b>
Vốn cổ phần	411	22	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	14.690.799.990	14.690.799.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		341.947.934	341.947.934
Lỗi lũy kế	421		(85.056.959.010)	(17.028.638.355)
- (Lỗi)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.028.638.355)	20.474.145.855
- Lỗi năm nay	421b		(68.028.320.655)	(37.502.784.210)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.126.784.337.515</b>	<b>1.190.912.615.165</b>

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hảo  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
 Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

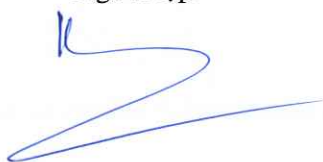
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>597.936.189.100</b>	<b>602.126.472.195</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>585.103.366.281</b>	<b>550.492.336.406</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>12.832.822.819</b>	<b>51.634.135.789</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.840.068.235	6.146.266.954
Chi phí tài chính	22	28	67.386.772.764	63.438.726.236
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		67.386.534.660	63.433.791.674
Chi phí bán hàng	25	29	4.774.603.230	6.138.525.463
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	24.566.824.384	25.815.485.416
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(68.055.309.324)</b>	<b>(37.612.334.372)</b>
Thu nhập khác	31		281.909.192	114.346.968
Chi phí khác	32		254.920.523	4.796.806
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>26.988.669</b>	<b>109.550.162</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(68.028.320.655)</b>	<b>(37.502.784.210)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	-	-
<b>Lỗ thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(68.028.320.655)</b>	<b>(37.502.784.210)</b>

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hảo  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(68.028.320.655)</b>	<b>(37.502.784.210)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	64.810.426.137	64.203.281.412
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	238.104	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.840.068.235)	(5.785.489.027)
Chi phí lãi vay	06	67.386.534.660	63.433.791.674
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>48.328.810.011</b>	<b>84.348.799.849</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(71.664.411.191)	(37.836.885.626)
Biến động hàng tồn kho	10	70.507.499.881	(51.938.381.109)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(27.956.342.877)	(96.219.325.350)
Biến động chi phí trả trước	12	8.543.121.538	1.937.366.325
		<b>27.758.677.362</b>	<b>(99.708.425.911)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(67.866.161.572)	(62.994.951.058)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.570.395.734)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(2.021.027.857)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(40.107.484.210)</b>	<b>(171.294.800.560)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.536.768.182)	(12.235.692.790)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	14.443.565.934	5.269.411.710
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.906.797.752</b>	<b>(6.966.281.080)</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	615.286.054.338	561.123.918.265
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(582.950.279.648)	(401.490.254.748)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(11.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>32.335.774.690</b>	<b>148.133.663.517</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>5.135.088.232</b>	<b>(30.127.418.123)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>14.547.453.089</b>	<b>44.674.871.212</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>19.682.541.321</b>	<b>14.547.453.089</b>

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con (1/1/2021: 1 công ty con), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 121 nhân viên (1/1/2021: 128 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty đã phát sinh lỗ thuần sau thuế năm 2021 là 68.028 triệu VND (2020: 37.503 triệu VND) và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 là âm 40.107 triệu VND (2020: âm 171.295 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 375.247 triệu VND (1/1/2021: 305.360 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 20). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 48.188 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư vào công ty con***

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	5 – 15 năm
▪ tài sản khác	6 – 10 năm



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính riêng và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

19 - C  
TY  
AN  
GON  
KIANG  
T. KIEN

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**5. Tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	464.541.180	736.151.111
Tiền gửi ngân hàng	19.218.000.141	13.811.301.978
	<hr/>	<hr/>
	19.682.541.321	14.547.453.089

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam (trước đây là "Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Thạnh Lộc")	214.083.859.668	142.842.066.995
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.629.426.377	3.218.569.970
Các khách hàng khác	5.970.904.567	2.632.685.688
	222.684.190.612	148.693.322.653
	222.684.190.612	148.693.322.653

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	786.500.000	302.500.000
<b>Bên liên quan khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.629.426.377	3.218.569.970
	2.629.426.377	3.218.569.970
	2.629.426.377	3.218.569.970

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	3.896.763.640	4.624.133.100
Công ty Cổ phần Hơi Bảo Hòa	2.909.438.968	3.070.266.671
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam (trước đây là "Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Thanh Lộc")	2.402.990.823	3.907.990.823
Các nhà cung cấp khác	2.368.932.611	3.061.084.644
	<b>11.578.126.042</b>	<b>14.663.475.238</b>

**(b) Trả trước cho người bán là bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b> Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	3.896.763.640	4.624.133.100

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi trả chậm phải thu từ khách hàng	3.050.679.618	995.277.317
Ký quỹ ngắn hạn	633.818.052	795.804.077
Tạm ứng cho nhân viên	399.005.500	661.582.500
Cổ tức phải thu	-	658.900.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.258.521.186	778.474.189
	<b>5.342.024.356</b>	<b>3.890.038.083</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	37.872.887.777	-	27.946.035.433	-
Công cụ và dụng cụ	7.762.174.055	-	5.003.358.875	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.718.376.373	-	20.351.082.410	-
Thành phẩm	12.574.904.864	-	51.246.462.639	-
Hàng hóa	-	-	44.454.718.233	-
	<hr/>		<hr/>	
	77.928.343.069	-	149.001.657.590	-
	<hr/>		<hr/>	





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	246.597.179.407	682.962.945.045	39.433.000.035	45.402.743.088	1.079.813.182	1.015.475.680.757
Tăng trong năm	-	464.808.182	-	-	-	464.808.182
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.692.792.109	1.907.276.103	-	-	-	3.600.068.212
Số dư cuối năm	248.289.971.516	685.335.029.330	39.433.000.035	45.402.743.088	1.079.813.182	1.019.540.557.151
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	42.759.486.392	210.554.988.577	18.261.342.693	20.906.598.317	514.736.322	292.997.152.301
Khấu hao trong năm	9.929.387.268	47.024.284.383	3.640.993.775	3.680.550.191	115.661.192	64.390.876.809
Số dư cuối năm	52.688.873.660	257.579.272.960	21.902.336.468	24.587.148.508	630.397.514	357.388.029.110
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	203.837.693.015	472.407.956.468	21.171.657.342	24.496.144.771	565.076.860	722.478.528.456
Số dư cuối năm	195.601.097.856	427.755.756.370	17.530.663.567	20.815.594.580	449.415.668	662.152.528.041

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 13.464 triệu VND (1/1/2021: Không) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 977.614 triệu VND (1/1/2021: 977.614 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	657.695.495	1.696.095.495
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	208.809.347	208.809.347
Khấu hao trong năm	-	66.894.540	66.894.540
Số dư cuối năm	-	275.703.887	275.703.887
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	448.886.148	1.487.286.148
Số dư cuối năm	1.038.400.000	381.991.608	1.420.391.608

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.038 triệu VND (1/1/2021: 1.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

**12. Bất động sản đầu tư**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	11.049.850.221	11.402.505.009
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.560.195.000	64.560.195.000
	75.610.045.221	75.962.700.009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 77.964 triệu VND (1/1/2021: 77.964 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	13.403.556.851
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.001.051.842
Khấu hao trong năm	352.654.788
Số dư cuối năm	2.353.706.630
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	11.402.505.009
Số dư cuối năm	11.049.850.221

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh quyền sử dụng đất của Công ty tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	7.704.057.006	27.435.037.901
Tăng trong năm	1.071.960.000	2.830.134.811
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.600.068.212)	(21.520.543.432)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(719.377.274)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(321.195.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.175.948.794	7.704.057.006

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hệ thống Pilot, hệ thống chiết bia thủ công	4.671.214.383	4.548.534.383
Chi phí sửa chữa lớn văn phòng	-	1.692.792.109
Máy cấp nắp tự động	42.504.000	600.158.938
Các công trình khác	462.230.411	862.571.576
	<hr/>	<hr/>
	5.175.948.794	7.704.057.006

**14. Đầu tư vào công ty con**

	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2021 và 1/1/2021		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	599.000	99,83%	13.277.183.000	(*)	-

Hoạt động chính của công ty con là quản lý, cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ vận tải.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	21.029.720.483	1.277.702.319	6.975.191.384	4.266.633.761	33.549.247.947
Tăng trong năm	-	-	853.057.315	769.063.018	1.622.120.333
Phân bổ trong năm	(407.344.982)	(1.196.500.529)	(4.015.986.092)	(3.291.368.492)	(8.911.200.095)
Số dư cuối năm	20.622.375.501	81.201.790	3.812.262.607	1.744.328.287	26.260.168.185

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	11.332.523.606	6.919.794.797
Công ty TNHH Bao Bì Giấy Việt Trung Long An	2.770.489.260	1.669.075.903
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.198.457.627	4.798.865.449
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.985.236.782	2.749.411.545
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	6.770.290.666
Công ty TNHH NPC VINA	-	14.971.220.000
Các nhà cung cấp khác	8.019.453.568	12.491.764.873
	<b>26.349.097.063</b>	<b>50.370.423.233</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.985.236.782	2.749.411.545
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam	-	935.923.051
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	6.770.290.666

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.595.646.571	105.812.396.599	(63.336.602.931)	(43.173.031.974)	-	7.898.408.265
Thuế tiêu thụ đặc biệt	250.915.010.570	468.609.943.570	(466.281.726.834)	-	-	253.243.227.306
Thuế thu nhập cá nhân	536.396.114	593.218.874	(1.824.458.803)	-	694.843.815	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
	<b>260.047.053.255</b>	<b>575.018.559.043</b>	<b>(531.445.788.568)</b>	<b>(43.173.031.974)</b>	<b>694.843.815</b>	<b>261.141.635.571</b>

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	253.098.289	-	-	253.098.289
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	694.843.815	694.843.815
Các loại thuế khác	470.895.791	8.564.641	-	479.460.432
	<b>723.994.080</b>	<b>8.564.641</b>	<b>694.843.815</b>	<b>1.427.402.536</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.464.205.338	3.943.832.250
Chi phí lương, thưởng	-	1.315.400.000
Chi phí xây dựng	-	188.612.319
Chi phí phải trả khác	377.709.638	1.869.545.348
	<hr/>	<hr/>
	3.841.914.976	7.317.389.917
	<hr/>	<hr/>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	2.883.007.396	16.767.317.060
Cổ tức phải trả	5.750.000.000	5.750.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.896.306.412	278.996.412
Phải trả ngắn hạn khác	805.897.896	875.296.442
	<hr/>	<hr/>
	12.335.211.704	23.671.609.914
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	180.430.863.517	615.286.054.338	(574.903.079.648)	220.813.838.207
Vay dài hạn đến hạn trả	105.797.200.000	72.797.200.000	(8.047.200.000)	170.547.200.000
	286.228.063.517	688.083.254.338	(582.950.279.648)	391.361.038.207

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (i)	VND	7,5%	151.811.934.282	150.430.863.517
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang (ii)	VND	7,1%	49.025.801.155	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Kiên Giang (iii)	VND	7,8%	19.976.102.770	30.000.000.000
			220.813.838.207	180.430.863.517

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”) – Chi nhánh Kiên Giang có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 20(b).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Maritime Bank”) – Chi nhánh Kiên Giang không có đảm bảo. Theo các điều khoản trong hợp đồng vay, hạn mức tín dụng tối đa mà Maritime Bank cấp cho Công ty là 100.000 triệu VND nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại hợp đồng. Với tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chỉ đủ điều kiện để được cấp hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Chi nhánh Kiên Giang không có đảm bảo. Theo các điều khoản trong hợp đồng vay, hạn mức tín dụng tối đa mà HDBank cấp cho Công ty là 40.000 triệu VND nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại hợp đồng. Với tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chỉ đủ điều kiện để được cấp hạn mức tín dụng là 20.000 triệu VND.

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	536.531.470.900	544.578.670.900
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(170.547.200.000)	(105.797.200.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	365.984.270.900	438.781.470.900
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VPBank – Chi nhánh Kiên Giang (i)	VND	9,3%	2022 - 2026	536.531.470.900	544.578.670.900
				<hr/>	<hr/>

- (i) Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ VPBank được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND (1/1/2021: 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, VPBank đã đồng ý gia hạn khoản vay có giá trị là 97.750 triệu VND đến hạn trả trong năm 2021 sang năm 2022 – 2026.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	115.000.000.000	14.631.429.050	2.399.837.602	37.527.699.915	169.558.966.567
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(37.502.784.210)	(37.502.784.210)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	62.638.323	62.638.323
Trích/(hoàn nhập) các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	59.370.940	(193.178.557)	133.807.617	-
Cổ tức	-	-	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(1.864.711.111)	-	(1.864.711.111)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	115.000.000.000	14.690.799.990	341.947.934	(17.028.638.355)	113.004.109.569
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(68.028.320.655)	(68.028.320.655)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	115.000.000.000	14.690.799.990	341.947.934	(85.056.959.010)	44.975.788.914



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	<b>11.500.000</b>	<b>100%</b>

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.464.500.000	2.586.932.877
Từ hai đến năm năm	4.066.851.370	6.111.351.370
Sau năm năm	457.972.603	877.972.603
	<b>6.989.323.973</b>	<b>9.576.256.850</b>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	<b>Tương đương VND</b>	Nguyên tệ	<b>Tương đương VND</b>
USD	19.836	527.538.821	182.835	4.245.417.650
EUR	456	5.945.727	6.985	162.709.063
		<b>533.484.548</b>		<b>4.408.126.713</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	524.801.766.602	546.441.686.525
▪ Bán kết và vỏ chai	60.349.749.366	47.258.810.254
▪ Doanh thu cho thuê	3.420.862.240	2.267.103.544
▪ Doanh thu gia công bia	2.088.675.000	2.095.841.160
▪ Doanh thu khác	7.275.135.892	4.063.030.712
	597.936.189.100	602.126.472.195

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	489.395.922.138	501.780.363.046
▪ Kết và vỏ chai đã bán	60.321.592.567	46.366.314.605
▪ Chi phí khấu hao và phân bổ ghi nhận vào giá vốn do hoạt động dưới công suất thiết kế	14.933.508.572	-
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê	352.654.788	448.488.129
▪ Chi phí gia công bia	1.008.269.672	1.659.709.160
▪ Giá vốn khác	19.091.418.544	237.461.466
	585.103.366.281	550.492.336.406

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi trả chậm từ khách hàng	15.675.969.809	4.937.813.146
Lãi tiền gửi	164.098.426	188.775.881
Cổ tức được chia	-	658.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	360.777.927
	<hr/>	<hr/>
	15.840.068.235	6.146.266.954

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí lãi vay	67.386.534.660	63.433.791.674
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	238.104	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.934.562
	<hr/>	<hr/>
	67.386.772.764	63.438.726.236

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	134.705.059	858.915.523
Chi phí khấu hao và phân bổ	636.502.032	636.502.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.134.365.281	3.647.159.035
Chi phí bán hàng khác	1.869.030.858	995.948.873
	<hr/>	<hr/>
	4.774.603.230	6.138.525.463

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.818.110.300	7.507.068.034
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.798.687.875	5.121.495.302
Thuế, phí và lệ phí	206.798.689	157.206.299
Chi phí công cụ dụng cụ	524.341.363	471.220.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.596.047	1.275.970.877
Chi phí quản lý khác	9.980.290.110	11.282.524.266
	<b>24.566.824.384</b>	<b>25.815.485.416</b>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	472.719.236.163	430.276.633.363
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.810.426.137	64.203.281.412
Chi phí nhân công và nhân viên	23.654.896.983	29.667.368.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.089.296.528	20.679.442.916
Chi phí khác	28.170.938.084	37.619.621.440

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lỗi kế toán trước thuế	(68.028.320.655)	(37.502.784.210)
Thuế theo thuế suất của Công ty	(6.802.832.066)	(3.750.278.421)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.255.968.521	689.530
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	(2.991.345.387)	(1.640.663.703)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	7.538.208.932	5.390.252.594
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	69.893.749.195	9.055.579.238	32.837.757.741	3.721.886.566
Lỗ tính thuế	29.892.098.136	3.872.882.288	13.657.035.711	1.668.366.028
	<b>99.785.847.331</b>	<b>12.928.461.526</b>	<b>46.494.793.452</b>	<b>5.390.252.594</b>

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	13.657.035.711
2026	Chưa quyết toán	16.235.062.425
		<b>29.892.098.136</b>

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ tiếp theo VND
2025	32.837.757.741
2026	37.055.991.454
	<b>69.893.749.195</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang</b>		
Thuê dịch vụ vận chuyển	3.899.300.000	4.161.132.500
Cho thuê xe	660.000.000	385.000.000
Cổ tức được chia	-	658.900.000
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	776.422.286.590	873.364.790.811
Bán dịch vụ	222.717.339	127.609.509
Mua nguyên vật liệu	254.847.944.735	258.258.813.058
Mua hàng hoá khác	-	31.027.500
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.910.674.080	12.666.723.876
<b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.782.318.609	8.213.675.828
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lê Hồng Xanh – Chủ tịch	360.000.000	693.333.333
Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên	120.000.000	453.333.333
Ông Nguyễn Trí Dũng – Thành viên	120.000.000	453.333.333
Ông Teo Hong Keng – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Lê Văn Thập – Thành viên	180.000.000	513.333.333



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**



**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.493.361.170	4.105.629.472
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Trưởng ban	252.020.000	324.792.222
Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều – Thành viên	60.000.000	60.000.000

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:

Hà Thị Hoàn Hào  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
 Quyền Giám đốc

